



ISSN:  
1859-3100

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH  
**TẠP CHÍ KHOA HỌC**

KHOA HỌC GIÁO DỤC  
Tập 15, Số 4 (2018): 87-96

Email: tapchikhoahoc@hcmue.edu.vn; Website: http://tckh.hcmue.edu.vn

HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION  
**JOURNAL OF SCIENCE**

EDUCATION SCIENCE  
Vol. 15, No. 4 (2018): 87-96

## PHÂN TÍCH BỐI CẢNH TRONG XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Chung Hải\*, Hồ Sỹ Toàn<sup>2\*</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh

<sup>2</sup>Trường Cán bộ Quản lý Giáo dục TP Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 17-10-2017; ngày nhận bài sửa: 14-3-2018; ngày duyệt đăng: 20-4-2018

### TÓM TẮT

Qua việc giới thiệu một số cơ sở lý luận về phân tích bối cảnh các bên liên quan trong xây dựng chương trình đào tạo (CTĐT) bậc đại học, bài viết chỉ ra một số thực trạng trong hoạt động phân tích nhu cầu người học, nhu cầu nguồn nhân lực, năng lực của cơ sở đào tạo, các xu thế kiểm định... trong việc xây dựng CTĐT tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP TPHCM) hiện nay.

**Từ khóa:** Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, phân tích bối cảnh, xây dựng chương trình đào tạo.

### ABSTRACT

#### *Analysing the context of developing the training program in Ho Chi Minh City University of Education*

Through the introduction of theoretical foundations in analysing the context of stakeholders in developing the tertiary training program, the article points out some reality in analysing the needs of learners, human resources, institution capacities, assessment tendencies, etc in developing the training program in Ho Chi Minh City University of Education nowadays.

**Keywords:** Ho Chi Minh City University of Education analyzing the context, training program development.

### 1. Đặt vấn đề

Chương trình đào tạo (Curriculum) là khâu quan trọng nhất trong quá trình giáo dục, đào tạo ở mọi cấp bậc học, đặc biệt là ở bậc đại học. Thiết kế CTĐT có chất lượng, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động sẽ giúp đào tạo được sinh viên có kiến thức, kỹ năng toàn diện và chuyên sâu với lĩnh vực nghề nghiệp đã chọn; là căn cứ để xã hội, gia đình, học sinh lựa chọn môi trường học tập phù hợp, từ đó khẳng định được thương hiệu đào tạo của trường. Thông tư 07/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 15/04/2015 ban hành quy trình xây dựng, thẩm định, CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đã nêu rõ việc thiết kế CTĐT cần phải trải qua một quy trình chặt chẽ. Tuy nhiên, phần lớn CTĐT ở các trường đại học hiện nay thường bỏ qua hoặc né tránh việc phân tích các bối cảnh, nền tảng của mọi CTĐT chất lượng, dẫn đến nhiều CTĐT của một số trường đại học chưa đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan, chất lượng đào tạo chưa được đảm bảo. Vì vậy, phân tích các bối cảnh cần phải được xem xét và thực hiện nghiêm túc dưới nhiều khía cạnh, khoa học

\* Email: nguyenchunghaisp@gmail.com

và định hướng nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo ở mỗi nhà trường. Trong bài viết này, chúng tôi đưa ra những nội dung cốt lõi về một số vấn đề lí luận phân tích bối cảnh trong xây dựng, thiết kế CTĐT đại học hiện nay, từ đó áp dụng để mô tả thực trạng phân tích bối cảnh trong xây dựng CTĐT tại Trường ĐHSP TPHCM.

## 2. Khái niệm cơ bản

Chương trình đào tạo là kế hoạch tổng thể, hệ thống về toàn bộ hoạt động đào tạo, bao gồm mục đích đào tạo, mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung đào tạo (với độ rộng và sâu), phương thức đào tạo và hình thức tổ chức đào tạo (với các phương pháp, phương tiện, công cụ dạy học), phương thức đánh giá kết quả đào tạo (trong so sánh, đối chiếu với chuẩn đầu ra) (Phạm Thị Hương, Lê Thái Hưng, 2015, tr.21).

Đoàn Thị Minh Trinh, Nguyễn Hội Nghĩa (2014) cho rằng thiết kế CTĐT (Curriculum design) “là quá trình để xác định và tổ chức các thành phần của CTĐT thành một trình tự học tập hợp lí nhằm phát triển kiến thức, kĩ năng và nhận thức cho người học” (tr.33).

Beauchamp, G. A. (1981) chỉ ra rằng phát triển CTĐT “là quá trình tổng thể vòng đời, bao gồm thiết kế, thực hiện, và đánh giá CTĐT – những công việc phức tạp. Sự phức tạp càng nhiều nếu không có một mô hình với những triết lí hay nguyên lí rõ ràng và những phương pháp hay cách thức cụ thể cho việc phát triển CTĐT (p.55).

Từ những luận điểm trên, chúng tôi cho rằng CTĐT là một tập hợp các hoạt động gắn kết với nhau nhằm đạt đến mục tiêu giáo dục của nhà trường. Tất cả yếu tố đầu vào dùng để hỗ trợ việc thực hiện CTĐT và những kết quả đầu ra của quá trình thực hiện (phẩm chất và năng lực của người học). Do đó, các thuật ngữ như xây dựng chương trình, phát triển chương trình... thực chất là những hoạt động nhằm xác định, bổ sung, cải tiến hoặc điều chỉnh những yếu tố cấu thành nên CTĐT, giúp cho nhà trường đạt được mục tiêu đã đề ra với hiệu quả cao nhất.

## 3. Phân tích bối cảnh trong xây dựng chương trình đào tạo

### 3.1. Hoạt động phân tích nhu cầu của người học

Phân tích nhu cầu của người học là hoạt động đầu tiên được thực hiện trong thiết kế CTĐT ở tất cả các cấp bậc của người làm chương trình. Suy cho cùng, tất cả các hoạt động đào tạo đều hướng vào sinh viên - người được đào tạo.

Hoạt động đánh giá nhu cầu người học sẽ nhằm hai mục tiêu là xác định nhu cầu của người học trong bối cảnh nhu cầu của một xã hội rộng lớn, cái mà CTĐT hiện tại không đáp ứng được và để tạo ra cơ sở cho việc đổi mới CTĐT nhằm khắc phục tối đa những nội dung chưa đáp ứng nhu cầu của người học. (Okebukola, 1997, p.112)

Bên cạnh đó, các nhà làm chương trình cần nhận thức rõ hai vấn đề trong phân tích nhu cầu của người học bao gồm: (1) Kiến thức trước khi bắt đầu môn học giúp giảng viên có chiến lược phù hợp trong việc thiết kế chương trình môn học, hoặc sẽ có kế hoạch dạy môn học phù hợp nhất với một đối tượng cụ thể, giúp giảng viên hoặc người thiết kế chương trình điều chỉnh nội dung môn học nếu có thể, từ đó có những biện pháp phù hợp để điều chỉnh những mong đợi của họ; và (2) thái độ của người học đối với một môn học cụ thể có thể ảnh hưởng tới kết quả học tập của họ. Do vậy, nhất thiết phải xem xét thái độ của người học khi

thiết kế một khóa học để có các biện pháp thay đổi thái độ tiêu cực, tác động đến sự hứng thú, nhiệt tình của sinh viên với môn học. Bổ sung các tài liệu mới, bổ ích, giảng viên nhiệt tình với sinh viên, với môn học là những biện pháp có tác động tốt, giúp sinh viên phát triển thái độ tích cực đối với môn học. (Nguyễn Đức Chính, 2015, tr.18)

Những phân tích này dựa trên các đối tượng khác nhau như sinh viên đang theo học tại trường, cựu sinh viên; chuyên gia giáo dục; các hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh phổ thông. Việc kết nối và liên hệ một cách chặt chẽ với cựu sinh viên giúp nhà trường có được những thông tin phản hồi, góp ý về nhu cầu của người học, mục tiêu, nội dung chương trình, khối lượng kiến thức truyền tải, hệ thống các môn học. Những yêu cầu của thế giới nghề nghiệp đối với sản phẩm đào tạo của nhà trường.

### **3.2. Hoạt động phân tích bối cảnh của cơ sở đào tạo**

Trước hết, để khẳng định được thương hiệu, cũng như các giá trị riêng biệt trong CTĐT và rộng hơn là giá trị đặc trưng của nhà trường so với các CTĐT cùng lĩnh vực đào tạo của các trường đại học khác, việc phân tích triết lí, tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi và mục tiêu đào tạo của nhà trường giúp người làm chương trình tập trung vào các giá trị cốt lõi để khẳng định sự khác biệt về chất lượng của CTĐT (Tiêu chuẩn 1 của Thông tư 04/2016/TT-BGD&ĐT về việc ban hành Bộ tiêu chuẩn đánh giá cấp CTĐT). Bên cạnh đó, mỗi cơ sở đào tạo gắn liền với một cộng đồng nhất định và đều có những ưu tiên đào tạo đặc thù. Trong trường hợp này, những đặc điểm riêng của trường sư phạm sẽ có ảnh hưởng nhất định đối với việc xác định mục đích, mục tiêu của một CTĐT, chính sách tuyển sinh của trường.

Tiếp theo, những người làm CTĐT phải quan tâm đến người dạy, những người trực tiếp quyết định đến chất lượng của chương trình, đặc biệt trong khâu thực hiện. Nguyễn Thị Tuyết (2008) cho rằng “giảng viên cần được đánh giá để xem mức độ đáp ứng yêu cầu của họ trước khi đảm nhiệm phụ trách một môn học, một mảng kiến thức nào đó” (tr.131). Như vậy, giảng viên cần được đánh giá dựa vào chuyên môn đã được đào tạo, sự đóng góp của họ trong lĩnh vực giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ xã hội.

Cuối cùng, cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy, hệ thống giáo trình, sách, tài liệu tham khảo, hệ thống cơ sở dữ liệu... cần được đánh giá về mức độ đáp ứng được yêu cầu của CTĐT. Các điều kiện nêu trên là yêu cầu quan trọng để người học được tiếp cận với những thông tin được cập nhật, phù hợp và chuyên sâu, trang thiết bị đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu hoặc hoạt động thực hành giảng dạy của người học, giúp người học thực sự bước vào “thực tế” nghề nghiệp ngay trên giảng đường hay không cần được trả lời một cách nghiêm túc.

### **3.3. Hoạt động phân tích nhu cầu về nguồn nhân lực của thị trường lao động**

Khi bắt đầu quá trình phát triển CTĐT, những người làm chương trình nhất thiết phải tiến hành điều tra, khảo sát thị trường lao động – thế giới nghề nghiệp để xác định và phân tích nhu cầu về chất lượng và số lượng nguồn nhân lực, vì mục đích của giáo dục đại học là đào tạo lực lượng lao động chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực cho xã hội. Hoạt động này dẫn tới việc xác định một danh sách các vị trí công việc cùng với mô tả cụ thể vai trò, nhiệm vụ cho mỗi vị trí công việc mà sinh viên tốt nghiệp có

thể đảm nhận. Hoạt động phân tích nhu cầu của thị trường lao động giúp nhà trường định hướng mục tiêu và hoạch định quy mô đào tạo. Đây cũng chính là cơ hội để nhà trường, khoa chuyên ngành thiết lập và phát triển quan hệ hợp tác với thế giới việc làm. Đổi lại, thị trường lao động từ đó sẽ hiểu rõ hơn, tham gia sâu hơn vào quá trình đào tạo của nhà trường để đạt được mục đích chung nhất: chất lượng nguồn nhân lực.

### **3.4. Hoạt động phân tích xu thế kiểm định chất lượng CTĐT**

Kiểm định chất lượng giáo dục và đặc biệt là kiểm định chất lượng CTĐT được xem là một trong những nhiệm vụ quan trọng của các trường đại học hiện nay nhằm khẳng định chất lượng đào tạo của nhà trường với thị trường lao động và xã hội cũng như khẳng định thương hiệu của trường với các trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân, các trường đại học trong khu vực và trên thế giới. Vì vậy, khi xây dựng CTĐT, việc tiến hành phân tích xu thế kiểm định chất lượng CTĐT, các văn bản, bộ tiêu chuẩn được xem là nhiệm vụ quan trọng và cần thiết. Hiện nay, dựa vào Bộ tiêu chuẩn của AUN\_Phiên bản 3 (2016), Bộ GD&ĐT đã xây dựng Bộ tiêu chuẩn đánh giá cấp CTĐT của Bộ GD&ĐT được thể hiện trong Thông tư 04/2016/TT-BGD&ĐT. Theo đó, việc xây dựng dựa trên Bộ tiêu chuẩn của AUN sẽ giúp các CTĐT đáp ứng cả 2 mục tiêu: Kiểm định CTĐT theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT và đăng kí đánh giá theo AUN nếu có nhu cầu kiểm định khu vực. Để phục vụ cho mục tiêu tiến tới kiểm định chất lượng CTĐT, các trường cần phân tích và lập kế hoạch triển khai xây dựng chương trình phù hợp với những tiêu chuẩn kiểm định mà trường hướng tới.

### **3.5. Một số phân tích bối cảnh khác**

Ngoài những hoạt động phân tích cơ bản nêu trên, người làm chương trình nhất thiết cần phân tích những căn cứ về pháp lí như đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về giáo dục mà cụ thể là về các trường sư phạm; Luật Giáo dục, điều lệ trường đại học, các quy định về đào tạo, quy định về xây dựng và phát triển chương trình, quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và đặc biệt là phù hợp với Khung năng lực trình độ quốc gia, khu vực. Đồng thời, có sự đối sánh với các CTĐT tiên tiến, có uy tín trong và ngoài nước sẽ giúp cơ sở đào tạo tự nhìn nhận lại chương trình của mình cũng như có được những thông tin tham khảo cần thiết. Qua đó giúp CTĐT vừa có tính mềm dẻo và linh hoạt hơn trong việc liên thông ngang và liên thông dọc trong xu thế hội nhập quốc tế.

## **4. Thực trạng phân tích bối cảnh trong xây dựng CTĐT tại Trường ĐHSP TPHCM**

### **4.1. Phương pháp nghiên cứu thực trạng**

Căn cứ vào cơ sở lí luận về phân tích bối cảnh trong xây dựng CTĐT đại học nêu trên, chúng tôi tiến hành khảo sát về mức độ thực hiện cũng như kết quả đạt được của việc thực hiện các yêu cầu trong phân tích nhu cầu các bên liên quan tại một số đơn vị (khoa) tại Trường ĐHSP TPHCM bằng phiếu khảo sát. Trong đó, người tham gia khảo sát sẽ cho điểm từng nội dung với điểm số từ 0 (mức thấp nhất) tới 10 (mức cao nhất).

Ý nghĩa của từng giá trị trung bình đối với thang đo khoảng (Interval Scale)

$$\text{Giá trị khoảng cách} = (\text{Maximum} - \text{Minimum})/n = (10-0)/5 = 2$$

Khoảng điểm số	Mức độ thực hiện	Kết quả đạt được
0 – 2,0	Không thực hiện	Không có hiệu quả
2,1 – 4,0	ít thực hiện	Yếu
4,1 – 6,0	Vừa phải	Trung bình
6,1 – 8,0	Thực hiện khá nhiều	Khá
8,1 – 10	Thường xuyên thực hiện	Tốt

#### 4.2. Hoạt động phân tích nhu cầu của người học

Bảng 1 cho thấy hoạt động phân tích yếu tố người học trong xây dựng chương trình tại một số đơn vị của trường chưa được quan tâm thực hiện đúng mức. Theo đó, việc xác định kiến thức, kỹ năng người học trước và sau khi kết thúc khóa học, môn học, bài học ( $M=2,71$ ) và xác định động cơ học tập của người học ( $M=3,00$ ) là hai nội dung được đánh giá là ít được thực hiện trong khâu xây dựng chương trình hiện nay tại các đơn vị. Duy nhất chỉ có hoạt động phân tích nhu cầu việc làm của người học sau khi tốt nghiệp được đánh giá thực hiện ở mức trung bình ( $M=5,57$ ) (xem Bảng 1).

**Bảng 1.** Kết quả khảo sát mức độ thực hiện và kết quả đạt được của hoạt động phân tích nhu cầu người học trong xây dựng CTĐT tại một số khoa thuộc Trường ĐHSP TPHCM

STT	Hoạt động phân tích nhu cầu của người học	Thực hiện			Kết quả		
		M	SD	TH	M	SD	TH
1	Người làm CT phân tích nhu cầu việc làm của người học sau khi tốt nghiệp	5,57	1,20	1	5,66	1,23	1
2	Người làm CT xác định kiến thức, kỹ năng người học trước và sau khi kết thúc khóa học, môn học, bài học	2,71	1,92	3	3,52	1,86	3
3	Người làm CT xác định động cơ học tập của người học	3,24	2,04	2	4,04	2,06	2
<b>Trung bình</b>		<b>3,84</b>			<b>4,40</b>		
Giá trị khoảng		2,01- 4,00 (Mức yếu)/			4,01 – 6,00 (Mức trung bình)		
Hệ số tương quan Pearson				$r = 0,968^{**}$			

\*\* Có ý nghĩa với  $\alpha = 0,01$

Về hiệu quả thực hiện, kết quả khảo sát cũng cho thấy hoạt động này chưa mang lại nhiều kết quả. Cụ thể, hoạt động phân tích nhu cầu việc làm của người học sau khi tốt nghiệp ( $M=5,66$ ) và xác định động cơ học tập của người học ( $M=4,04$ ) là hai nội dung được đánh giá mức độ trung bình về kết quả đạt được. Riêng việc xác định kiến thức, kỹ năng người học trước và sau khi kết thúc khóa học, môn học, bài học ( $M=3,52$ ) trong xây dựng chương trình được đánh giá ở mức yếu.

Những kết quả này cho thấy có lỗi hỏng lớn trong khâu phân tích nhu cầu của người học tại các đơn vị. Điều này dẫn đến nhiều vấn đề làm giảm chất lượng đào tạo mà cụ thể là giảm chất lượng học tập của người học.

Kết quả phân tích hệ số tương quan ( $r = 0,968$ ) chỉ ra rằng có sự liên hệ mật thiết giữa mức độ thực hiện và kết quả thực hiện các yêu cầu về phân tích nhu cầu người học.

#### 4.3. Hoạt động phân tích bối cảnh cơ sở đào tạo (xem Bảng 2)

Bảng 2 cho thấy hầu hết các nội dung trong hoạt động phân tích bối cảnh cơ sở đào tạo trong xây dựng chương trình được đánh giá khá cao khi 3/4 nội dung được đánh giá là thực hiện khá thường xuyên ( $6,01 \leq M \leq 8,0$ ).

**Bảng 2.** Kết quả khảo sát mức độ thực hiện và kết quả đạt được của hoạt động phân tích bối cảnh của cơ sở đào tạo trong xây dựng CTĐT tại một số khoa thuộc Trường ĐHSP TPHCM

STT	Hoạt động phân tích bối cảnh của cơ sở đào tạo	Thực hiện			Kết quả		
		M	SD	TH	M	SD	TH
1	CT phân tích triết lí, tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi và mục tiêu đào tạo của nhà trường	7,24	0,76	3	5,71	0,70	3
2	CT phân tích số lượng, chất lượng đội ngũ giảng dạy	7,67	1,54	2	7,47	1,55	2
3	CT phân tích các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, thư viện nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình	7,92	0,80	1	8,12	0,86	1
4	Xem xét kiến thức, kĩ thuật trong thiết kế CTĐT của nhóm phụ trách xây dựng hoặc phát triển	5,48	1,17	4	4,78	1,18	4
<b>Trung bình</b>		<b>7,08</b>			<b>6,52</b>		
Giá trị khoảng		6,01 – 8,00 (Mức khá)					
Hệ số tương quan Pearson		$r = 0,988^{**}$					

\*\*Có ý nghĩa với  $\alpha = 0,01$

Theo đó, việc người làm chương trình phân tích các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, thư viện nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình ( $M = 7,92$ ) được đánh giá cao nhất về mức độ thực hiện. Thứ hai là hoạt động phân tích số lượng, chất lượng đội ngũ giảng dạy ( $M = 7,67$ ). Đây là hai nội dung cơ bản nhất của hoạt động phân tích bối cảnh cơ sở đào tạo trong xây dựng chương trình tại các khoa vì nó trực tiếp gắn liền với hoạt động giảng dạy, đào tạo và được thực hiện thường xuyên thông qua các năm học không chỉ trong khâu xây dựng chương trình mà ở các hoạt động khác của nhà trường, do đó, hoạt động này đều được thực hiện thường xuyên qua các năm học. Tuy nhiên, kết quả được chú ý là việc người làm chương trình xem xét về kiến thức, kĩ thuật trong thiết kế CTĐT của nhóm phụ trách xây dựng hoặc phát triển ( $M = 5,48$ ) chỉ được đánh giá ở mức trung bình và cũng là nội dung được đánh giá yếu nhất về kết quả đạt được ( $M = 4,78$ ; mức độ trung bình). Bên cạnh đó, việc phân tích triết lí, tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi và mục tiêu đào tạo của nhà trường cũng được đánh giá là chưa mang lại hiệu quả cao ( $M = 5,71$ ).

Đây là những yêu cầu cốt lõi nhằm đảm bảo chất lượng của một CTĐT. Tuy nhiên kết quả cho thấy vẫn còn nhiều tồn tại trong khâu phân tích bối cảnh cơ sở đào tạo của nhà trường, do đó, cần có những biện pháp từ các nhà quản lí để làm cho hoạt động này trở nên thực chất và hiệu quả hơn.

#### 4.4. Hoạt động phân tích nhu cầu về nguồn nhân lực của thị trường lao động

Bảng 3 cho thấy một tồn tại nữa trong xây dựng chương trình ở một số đơn vị thuộc Trường ĐHSP TPHCM. Cụ thể, việc tham khảo, xác định yêu cầu của các đơn vị tuyển dụng về sinh viên sau khi ra trường được đánh giá thấp nhất cả về mức độ thực hiện ( $M=4,12$ ) và kết quả đạt được ( $3,97$ ) (xem Bảng 3).

**Bảng 3.** Kết quả khảo sát mức độ thực hiện và kết quả đạt được của hoạt động phân tích nhu cầu của thị trường lao động trong xây dựng CTĐT tại một số khoa thuộc Trường ĐHSP TPHCM

STT	Phân tích thị trường lao động	Thực hiện			Kết quả		
		M	SD	TH	M	SD	TH
1	CT tham khảo, xác định yêu cầu của các đơn vị tuyển dụng sinh viên sau khi ra trường	<b>4,12</b>	1,42	3	<b>3,97</b>	0,97	3
2	CT mô tả cụ thể vai trò, nhiệm vụ cho mỗi vị trí công việc mà sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận	<b>5,34</b>	1,54	2	<b>5,57</b>	1,59	1
3	CT thể hiện được yêu cầu hợp lý về kiến thức, kỹ năng đối với sinh viên tốt nghiệp	<b>6,49</b>	1,49	1	<b>5,12</b>	1,56	2
<b>Trung bình</b>		<b>5,31</b>			<b>4,87</b>		
Giá trị khoảng		4,01 -6,00 (Mức trung bình)					
Hệ số tương quan Pearson		$r = 0,897^{**}$					

\*\* Có ý nghĩa với  $\alpha = 0,01$

Phân tích nhu cầu của thị trường lao động là một trong những yếu tố cốt lõi của xây dựng CTĐT nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội đề ra đối với đội ngũ giáo viên tương lai, nhưng kết quả khảo sát lại cho thấy sự yếu kém về mức độ thực hiện và kết quả đạt được của các nội dung. Trao đổi về vấn đề này, một số ý kiến của cấp quản lý cũng như những người tham gia xây dựng chương trình cho rằng việc tìm hiểu, tham khảo, xác định yêu cầu của các đơn vị tuyển dụng sinh viên sau khi ra trường hiện nay tại các đơn vị chưa được hoặc rất ít khi được thực hiện tại các khoa. Thực tế cho thấy việc tham khảo, xác định yêu cầu của các đơn vị tuyển dụng sinh viên sau khi ra trường mới chỉ dừng lại ở việc các khoa tổ chức phỏng vấn các đơn vị trường học thông qua hoạt động thực tập sư phạm, hoặc như tổ chức các hội thảo góp ý xây dựng chương trình tại các đơn vị, hay tổ chức các hoạt động liên kết với các đơn vị tuyển dụng (nổi bật ở số ít các khoa ngoại ngữ như Tiếng Trung, Tiếng Anh) chứ chưa có những nghiên cứu, khảo sát cụ thể và bài bản. Điều này chắc chắn sẽ dẫn tới những hệ quả xấu mà rõ nhất là sự chênh lệch lớn giữa nhu cầu của nhà tuyển dụng và sự đáp ứng của các đơn vị đào tạo, sinh viên ra trường không thể đáp ứng được yêu cầu của các nhà tuyển dụng. Bên cạnh đó, hai yêu cầu còn lại của hoạt động phân tích nhu cầu thị trường lao động bao gồm: chương trình thể hiện được yêu cầu hợp lý về kiến thức, kỹ năng đối với sinh viên tốt nghiệp và chương trình mô tả cụ thể vai trò, nhiệm vụ cho mỗi vị trí công việc mà sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận cũng chỉ được đánh giá ở mức độ trung bình cả về mức độ thực hiện lẫn kết quả đạt được ( $4,01 \leq M \leq 6$ ).

Kết quả phân tích đã chỉ ra rằng hoạt động phân tích cầu về nguồn nhân lực của thị trường lao động nhằm đáp ứng yêu cầu các bên liên quan vẫn chưa thực sự tương xứng với vai trò của nó trong thực tiễn xây dựng CTĐT tại trường hiện nay. Do đó, các cấp quản lý cần sớm đưa ra những biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động này nói riêng và các hoạt động phân tích khác trong toàn bộ hoạt động phân tích bối cảnh các bên liên quan trong xây dựng CTĐT tại nhà trường nói chung.

#### 4.5. Hoạt động phân tích xu thế kiểm định chất lượng CTĐT và phân tích một số bối cảnh khác

Bảng 4 cho thấy chỉ 1/4 yêu cầu được khảo sát về hoạt động phân tích xu thế kiểm định chất lượng CTĐT tại Trường ĐHSP TPHCM cho kết quả trên mức trung bình; 2/4 yêu cầu đưa ra được đánh giá ở mức dưới trung bình cả về mức độ thực hiện cũng như kết quả đạt được. Theo đó, duy nhất nội dung người làm chương trình có tham khảo những căn cứ về chính sách, pháp lí như: Luật Giáo dục, quy định về đào tạo, CTĐT, kiểm định chất lượng CTĐT được đánh giá khá cao cả về mức độ thực hiện ( $M = 6,34$ ) và kết quả đạt được ( $M = 7,27$ ). Đây là yêu cầu tính chất pháp lí đối với hoạt động xây dựng CTĐT và là yêu cầu bắt buộc trước khi xây dựng hoặc thiết kế các CTĐT đối với những người làm chương trình (xem Bảng 4).

**Bảng 4.** Kết quả khảo sát mức độ thực hiện và kết quả đạt được của hoạt động phân tích xu thế kiểm định trong xây dựng CTĐT và phân tích một số bối cảnh khác tại một số khoa thuộc Trường ĐHSP TPHCM

STT	Phân tích xu thế kiểm định và một số bối cảnh khác	Thực hiện			Kết quả		
		M	SD	TH	M	SD	TH
1	Xây dựng CTĐT xét đến sự tương thích với các Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng	3,12	0,95	4	3,47	1,15	4
2	Người làm CT có tham khảo những căn cứ về chính sách, pháp lí	6,34	0,90	1	7,27	0,95	1
3	Người làm CT đối sánh các chương trình đào tạo	5,34	0,87	3	3,92	0,08	3
4	Người làm CT tham khảo xu hướng, cách tiếp cận mới trong thiết kế, phát triển CTĐT	5,67	0,93	2	4,78	0,10	2
<b>Trung bình</b>		<b>5,12</b>			<b>4,86</b>		
Giá trị khoảng		4,01-6,00 (Mức trung bình)					
Hệ số tương quan Pearson		$r = 0.987^{**}$					

\*\* Có ý nghĩa với  $\alpha = 0,01$

Kết quả được chú ý là việc xem xét sự tương thích với Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT, AUN... trong xây dựng CTĐT tại nhà trường ít được thực hiện ( $M = 3,12$ ), đồng thời hoạt động này cũng ít mang lại kết quả ( $M = 3,47$ ) theo ý kiến đánh giá của các đối tượng khảo sát. Trong thời điểm các trường đại học đang thực hiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục, đặc biệt là kiểm định chất lượng CTĐT nhằm không ngừng cải tiến, đổi mới chương trình hướng tới nâng cao chất lượng đào tạo, khẳng định thương hiệu. Chúng tôi cho rằng Trường ĐHSP TPHCM cần xem xét việc xây dựng CTĐT có sự tương thích với các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT, vì đó là vấn đề cần thiết và phù hợp với xu thế giáo dục hiện đại.

Ngoài ra, hoạt động đối sánh chương trình đào tạo với các CTĐT có uy tín, tiên tiến trong nước và quốc tế trong quá trình xây dựng và phát triển CTĐT chưa mang lại nhiều kết quả ( $M = 3,92$ ). Kết quả này cho thấy khi xây dựng và phát triển CTĐT, trường chưa thực sự có đối chiếu, so sánh đối với các CTĐT có chất lượng trong cùng lĩnh vực dẫn tới nhiều CTĐT chưa được cải tiến, nâng cao chất lượng, đồng thời chưa đủ cơ sở để cho thấy sự ưu việt của CTĐT của nhà trường so với cơ sở đào tạo khác. Trong bối cảnh nhiều

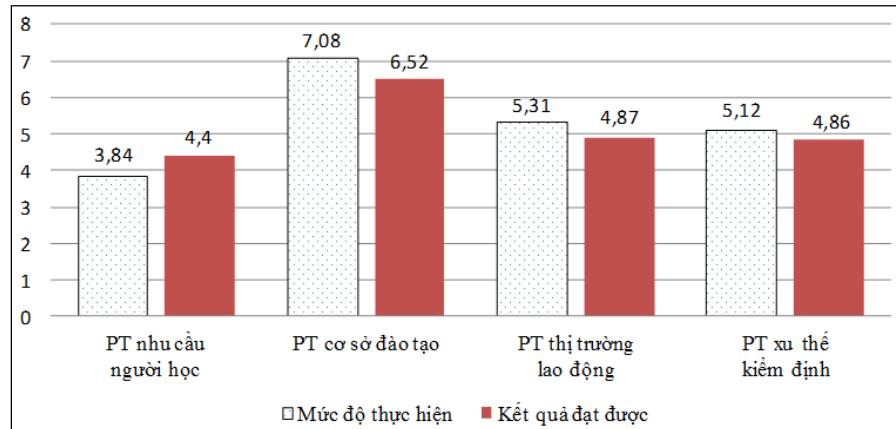


CTĐT tại các trường đại học được thiết kế theo hướng tiếp cận mới như CDIO, POHE thì kết quả khảo sát việc tiếp cận các kỹ thuật mới trong xây dựng CTĐT tại trường cho kết quả rất thấp ( $M = 4,78$ ). Chúng tôi cho rằng, trường cần phân tích, đánh giá lại chất lượng các CTĐT để từng bước đổi mới, cải tiến mà trong đó việc lựa chọn cách tiếp cận, các kỹ thuật mới trong thiết kế CTĐT sẽ cho thấy được đặc thù, thương hiệu riêng của nhà trường thay vì dựa trên các quy định cứng và thiếu sự linh hoạt của Bộ GD&ĐT.

### 5. Một số kiến nghị đối với hoạt động phân tích bối cảnh trong xây dựng CTĐT tại Trường ĐHSP TPHCM

Phân tích bối cảnh trong xây dựng CTĐT là yêu cầu tiên quyết trong xây dựng CTĐT tại trường đại học. Khâu phân tích bối cảnh các bên liên quan cần được sự quan tâm sâu sắc từ các cấp quản lý, các nhà làm chương trình nhằm đảm bảo chất lượng CTĐT. Kết quả phân tích bối cảnh trong xây dựng CTĐT tại Trường ĐHSP TPHCM đã đạt được một số kết quả nhất định, các yêu cầu từ lý luận về phân tích bối cảnh các bên liên quan đã được thực hiện tương đối đầy đủ (xem Hình 1).

Kết quả phân tích hệ số tương quan giữa mức độ thực hiện và kết quả thực hiện cho thấy có mối liên quan thuận tương đối chặt giữa hai biến số này. Tức là có mối liên hệ mật thiết giữa việc thực hiện các nội dung và kết quả mà nó mang lại. Điều này là cơ sở quan trọng trong công tác quản lý nhằm tổ chức, chỉ đạo việc thực hiện các yêu cầu trong phân tích bối cảnh các bên liên quan trong xây dựng CTĐT tại các đơn vị của nhà trường.



**Hình 1.** Biểu đồ thể hiện kết quả khảo sát về mức độ thực hiện và kết quả đạt được trong thực hiện các yêu cầu về phân tích bối cảnh trong xây dựng CTĐT tại một số đơn vị thuộc Trường ĐHSP TPHCM

Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng chỉ ra nhiều tồn tại trong khâu phân tích bối cảnh các bên liên quan tại nhà trường. Trong đó, một số vấn đề sau đây cần nhận được sự quan tâm đặc biệt từ các cấp quản lý, các nhà xây dựng chương trình:

- Khâu phân tích nhu cầu của người học tại các đơn vị chưa được thực hiện một cách nghiêm túc, đối tượng được đào tạo chưa thực sự đóng góp vai trò của mình vào CTĐT của một số đơn vị. Trường cần có các hoạt động khảo sát, đánh giá nhu cầu người học

thông qua các đối tượng như: học sinh phổ thông, sinh viên đang theo học, cựu sinh viên, giảng viên...

- Cần có sự đổi mới trong tư duy lựa chọn người làm chương trình, đó có thể là những nhà khoa học, giảng viên có chuyên môn, am hiểu về thiết kế và phát triển CTĐT, đặc biệt là đội ngũ thường xuyên tiếp cận các kỹ thuật mới trong thiết kế CTĐT. Ngoài ra, việc thiết kế chương trình cần có sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình thiết kế.

- Chú trọng hoạt động phân tích nhu cầu của thị trường lao động, đơn vị tuyển dụng sinh viên sau khi ra trường. Hoạt động này cần được thực hiện một cách thường xuyên, có quy trình thực hiện và đồng bộ giữa các đơn vị.

- Các cấp quản lý cũng như những người làm chương trình cần định hướng việc xây dựng CTĐT hướng tới việc kiểm định chất lượng CTĐT trong tương lai. Tham khảo, đối sánh CTĐT của đơn vị với các chương trình tiên tiến đã được khẳng định về chất lượng để điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng của CTĐT tại đơn vị. Phân tích, đánh giá lại hướng tiếp cận trong xây dựng chương trình để xác định cách tiếp cận mới, kỹ thuật mới trong thiết kế CTĐT.

- Để thực hiện tốt các hoạt động phân tích bối cảnh trong xây dựng CTĐT, trường cần có sự đầu tư kinh phí tương xứng nhằm tạo động lực cho công tác xây dựng và phát triển CTĐT của nhà trường.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Phạm Thị Hương, Lê Thái Hưng. (2015). *Phát triển chương trình đào tạo đại học định hướng nghề nghiệp ứng dụng*. Nxb Đại học Sư phạm.
- Đoàn Thị Minh Trinh, Nguyễn Hội Nghĩa. (2014). *Hướng dẫn thiết kế và phát triển chương trình đào tạo*. NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.
- Beauchamp, G. A. (1981). *Curriculum Theory*. 4th ed. Itasca, Ill: Peacock.
- Okebukola, P.A.O. (1997). *Needs and Assessment and Curriculum Development in Higher Education*. Presented at the UNESCO Workshop on Teaching and Learning in Higher Education, Nairobi, Kenya.
- Nguyễn Đức Chính. (2015). *Phát triển chương trình giáo dục*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Thị Tuyết. (2008). Tiêu chí đánh giá giảng viên. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, 24 (2008), 131-135.